



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 02 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch (từ ngày 24/4/2015)
Ông Phạm Duy Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 23/4/2015)
Ông Ngô Quốc Nam	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc (từ ngày 7/5/2015)
Ông Ngô Quốc Nam	Tổng Giám đốc (đến ngày 6/5/2015)
Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Cường Lâm	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/8/2015)
Ông Nguyễn Văn Miêng	Giám đốc Điều hành (đến ngày 6/5/2015)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 28 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-f



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2016



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		458.168.637.727	469.599.891.423
Tiền	110	6	4.247.728.680	16.810.592.536
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.300.000.000	140.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	140.300.000.000	140.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.028.766.993	175.076.673.451
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	159.279.108.894	130.937.259.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.048.289.069	11.098.809.440
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	10.340.000.000	14.255.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	23.691.616.501	21.717.492.227
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(3.330.247.471)	(2.931.887.813)
Hàng tồn kho	140	12	108.817.815.725	134.217.458.877
Hàng tồn kho	141		110.773.295.120	141.659.975.098
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.955.479.395)	(7.442.516.221)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.774.326.329	3.195.166.559
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.683.479	24.560.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.100.722.175	46.028.888
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.582.920.675	3.124.577.671

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		339.704.639.539	296.395.675.562
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.930.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	3.930.000.000
Tài sản cố định	220		148.583.341.368	100.510.711.009
Tài sản cố định hữu hình	221	13	148.583.341.368	100.510.711.009
Nguyên giá	222		549.894.556.204	524.324.562.933
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.311.214.836)	(423.813.851.924)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		68.000.000	68.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.000.000)	(68.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	14	5.897.997.955	4.962.638.197
Nguyên giá	231		9.520.439.013	7.534.544.951
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.622.441.058)	(2.571.906.754)
Tài sản dở dang dài hạn	240		97.178.992.655	89.073.586.897
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	97.178.992.655	89.073.586.897
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	83.569.016.870	95.658.246.398
Đầu tư vào công ty con	251		56.439.739.633	69.641.629.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		25.352.674.793	25.352.674.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.776.602.444	1.776.602.444
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.112.660.472)
Tài sản dài hạn khác	260		4.475.290.691	2.260.493.061
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	4.475.290.691	2.260.493.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		797.873.277.266	765.995.566.985

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		638.060.417.246	605.736.693.165
Nợ ngắn hạn	310		502.158.211.296	463.151.529.899
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	72.693.260.425	96.700.140.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.224.250.768	115.913.913
Thuế phải nộp Nhà nước	313		45.317.239	1.062.975.447
Phải trả người lao động	314		6.942.164.605	17.426.589.628
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.501.575.530	4.179.410.445
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.425.884.869	8.376.634.435
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	61.097.408.540	59.556.261.075
Vay ngắn hạn	320	20(a)	349.605.602.319	274.206.600.933
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	1.622.747.001	1.527.003.926
Nợ dài hạn	330		135.902.205.950	142.585.163.266
Phải trả dài hạn khác	337		119.423.822	119.423.822
Vay dài hạn	338	20(b)	135.782.782.128	142.465.739.444
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		159.812.860.020	160.258.873.820
Vốn chủ sở hữu	410	22	159.812.860.020	160.258.873.820
Vốn cổ phần	411	23	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.193.875.041	14.441.191.761
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.618.984.979	9.817.682.059
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		1.946.956.117	572.491.137
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.672.028.862	9.245.190.922
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		797.873.277.266	765.995.566.985

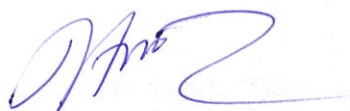
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	572.547.276.126	648.502.412.798
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	222.249.842	1.236.475.527
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	26	572.325.026.284	647.265.937.271
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	540.719.173.068	622.405.929.178
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		31.605.853.216	24.860.008.093
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	23.160.963.786	25.131.622.472
Chi phí tài chính	22	29	29.781.470.922	28.986.005.773
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.003.727.099	25.665.646.080
Chi phí bán hàng	25	30	7.590.983.177	11.917.508.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	5.718.363.317	20.024.218.456
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26)}	30		11.675.999.586	(10.936.102.203)
Thu nhập khác	31	32	2.225.142.235	22.230.996.155
Chi phí khác	32		156.585.641	318.258.713
Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		2.068.556.594	21.912.737.442
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.744.556.180	10.976.635.239
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2.072.527.318	1.731.444.317
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)	60		11.672.028.862	9.245.190.922

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.744.556.180	10.976.635.239
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	13.771.329.087	15.175.410.720
Các khoản dự phòng	03	(6.321.143.408)	5.745.371.064
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.308.761.690	287.019.743
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.772.954.673)	(45.190.367.536)
Chi phí lãi vay	06	20.003.727.099	25.665.646.080
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	26.734.275.975	12.659.715.310
Biến động các khoản phải thu	09	(13.570.451.298)	(6.010.088.732)
Biến động hàng tồn kho	10	33.962.070.471	(19.306.855.957)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(50.841.459.623)	(25.590.088.176)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.442.785.880)	1.337.838.624
		(5.158.350.355)	(36.909.478.931)
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.034.890.608)	(25.596.000.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.577.589.463)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(755.284.549)	(686.894.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.948.525.512)	(68.769.962.560)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(56.544.760.321)	(15.043.970.198)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.721.359.863	30.776.175.052
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(3.898.110.000)	(8.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	19.974.065.900	21.168.253.270
Tiền tặng do sáp nhập công ty con		363.759.512	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.383.685.046)	28.900.458.124

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	546.897.825.111	542.350.915.444
Tiền trả nợ gốc vay	34	(488.480.251.909)	(474.138.344.518)
Tiền trả cổ tức	36	(7.648.226.500)	(16.024.872.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	50.769.346.702	52.187.698.926
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.562.863.856)	12.318.194.490
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	16.810.592.536	4.495.745.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.347.408)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	4.247.728.680	16.810.592.536

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh: sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chần, khăn cotton, quần áo may sẵn, giấy và các sản phẩm liên quan đến bìa các tông;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất, thuốc nhuộm, linh kiện điện tử viễn thông và phụ tùng dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, siêu thị, cho thuê văn phòng, nhà ở và các công trình phục vụ mục đích kinh doanh;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông vận tải, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng, lắp đặt thiết bị phục vụ các công trình xây dựng;
- Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng công nghiệp;
- Xử lý nước thải và ô nhiễm môi trường;
- Đại lý vận tải, cung cấp dịch vụ kho bãi, cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ trông xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, du lịch lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác;
- Đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 1 năm);
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông; và
- Kinh doanh hoạt động văn hóa thể thao: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, nhà biểu diễn văn nghệ và các hoạt động thể thao và giải trí khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 7 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2015: 10 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 1.585 nhân viên (1/1/2015: 1.385 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tổng Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính - Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	50 năm
-----------	--------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng Tổng Công ty); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo (a);
- Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo (b);
- Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh (c);
- Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt của đơn vị lập báo cáo hay của công ty mẹ của đơn vị lập báo cáo (d);
- Bên đó là một thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào (e) đã được nêu ở đoạn (a) hay (d); hoặc
- Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (d) hoặc (e).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Sáp nhập các công ty con

Ngày 1 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty sáp nhập các công ty con: Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định (“SXKD”) và Công ty CP Chi khâu Dệt May Nam Định (“Chi khâu”).

Ngày 1 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty nhận sáp nhập công ty con là Công ty CP May III (“May III”).

Việc sáp nhập này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của các công ty con tại ngày sáp nhập như sau:

	SXKD VND	Chi khâu VND	May III VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.610.363	-	149.149.149	363.759.512
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	158.599.467	818.520.403	781.611.904	1.758.731.774
Phải thu ngắn hạn khác	1.542.270.402	1.780.847.923	1.778.000.000	5.101.118.325
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(47.634.750)	(72.171.018)	(119.805.768)
Tài sản ngắn hạn khác	37.738.922	-	3.218.879	40.957.801
Hàng tồn kho	1.079.985.040	497.590.610	1.497.814.843	3.075.390.493
Tài sản cố định hữu hình – giá trị còn lại	1.888.671.424	200.905.967	15.386.057.806	17.475.635.197
Bất động sản đầu tư – giá trị còn lại	369.848.639	95.068.734	668.554.693	1.133.472.066
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	332.928.273	332.928.273
Tài sản dài hạn khác	41.822.107	-	35.586.332	77.408.439
Vay	-	-	(9.732.936.424)	(9.732.936.424)
Các khoản nợ ngắn hạn khác	(77.314.186)	(717.097.850)	(5.662.824.669)	(6.457.236.705)
Tài sản thuần tại ngày nhận sáp nhập	5.256.232.178	2.628.201.037	5.164.989.768	13.049.422.983
Vốn góp của Tổng Công ty tại ngày nhận sáp nhập	5.000.000.000	2.100.000.000	10.000.000.000	17.100.000.000
Lãi/(lỗ) lũy kế nhận sáp nhập	256.232.178	528.201.037	(4.835.010.232)	(4.050.577.017)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	767.023.059	787.855.720
Tiền gửi ngân hàng	3.480.705.621	16.022.736.816
	4.247.728.680	16.810.592.536
	4.247.728.680	16.810.592.536

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	140.300.000.000	140.300.000.000	140.300.000.000	140.300.000.000
	140.300.000.000		140.300.000.000	
	140.300.000.000		140.300.000.000	

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất 4,8% (2014: 6,5%) một năm tại một ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015				1/1/2015					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	-	52,52%	52,52%	2.876.479.633	-		
• Công ty CP Chi Khâu Dệt May Nam Định (*)	-	-	-	-	51,67%	51,67%	1.085.000.000	-		
• Công ty CP Chân len Dệt May Nam Định	87,78%	87,78%	10.533.260.000	-	87,61%	87,61%	10.513.260.000	-		
• Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định (*)	-	-	-	-	82,00%	82,00%	4.099.890.000	-		
• Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	86,34%	86,34%	4.317.000.000	-	86,34%	86,34%	4.317.000.000	-		
• Công ty CP May III Dệt May Nam Định (*)	-	-	-	-	80,57%	80,57%	8.057.000.000	(1.112.660.472)		
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	2.673.000.000	-	53,46%	53,46%	2.673.000.000	-		
• Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định	90,88%	90,88%	27.264.000.000	-	90,88%	90,88%	27.264.000.000	-		
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	78,65%	78,65%	4.326.000.000	-	78,65%	78,65%	4.326.000.000	-		
• Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	89,00%	89,00%	4.450.000.000	-	86,88%	86,88%	4.430.000.000	-		
			<u>56.439.739.633</u>	<u>-</u>			<u>69.641.629.633</u>	<u>(1.112.660.472)</u>		
▪ Công liên kết										
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	2.352.674.793	-	41,82%	41,82%	2.352.674.793	-		
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	-	36,92%	36,92%	23.000.000.000	-		
			<u>25.352.674.793</u>	<u>-</u>			<u>25.352.674.793</u>	<u>-</u>		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015				1/1/2015					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Đơn vị khác										
• Công ty CP Bông Miền Bắc			428.047.444	-				428.047.444	-	
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000	-				1.348.555.000	-	
			<u>1.776.602.444</u>	<u>-</u>				<u>1.776.602.444</u>	<u>-</u>	
			83.569.016.870	-	(**)			96.770.906.870	(1.112.660.472)	(**)

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã nhận sáp nhập các công ty con này.

(**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	110.670.736.018	67.663.508.961
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	3.475.186.620	16.820.596.079
Công ty CP Dệt Khăn - Dệt May Nam Định	14.051.809.425	15.946.867.777
Công ty CP Sợi Thanh Châu	3.261.326.585	1.184.506.900
Công ty CP Chăn Len Dệt May Nam Định	114.191.372	2.299.488.430
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	27.705.858.874	27.022.291.450
	<hr/>	<hr/>
	159.279.108.894	130.937.259.597
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Các khoản vay cấp cho công ty con	10.340.000.000	14.255.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản vay cấp cho công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm vay.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Cổ tức	4.624.001.000	3.950.291.700
Phải thu tiền lãi	3.501.847.017	4.000.137.243
Phải thu từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con	3.930.000.000	9.939.000.000
Phải thu khác	11.635.768.484	3.828.063.284
	<hr/>	<hr/>
	23.691.616.501	21.717.492.227
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2015			1/1/2015			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Từ 1 đến 2 năm	3.673.951.865	(1.836.975.933)	1.836.975.932	Từ 6 tháng đến 2 năm	4.073.951.865	(1.618.620.354)	2.455.331.511
Textile International N.V	Trên 3 năm	318.704.241	(318.704.241)	-	Trên 3 năm	301.612.041	(301.612.041)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Từ 1 đến 2 năm	218.515.062	(109.257.531)	109.257.531	Dưới 1 năm	618.518.611	(107.248.418)	511.270.193
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại	Từ 1 đến 2 năm	145.535.654	(72.767.827)	72.767.827	-	-	-	-
Dịch vụ Xuân Hồng	Từ 1 đến 2 năm	105.067.911	(52.533.956)	52.533.955	-	-	-	-
Công ty TNHH Dệt May và Thương mại Duy Trang	Từ 1 đến 2 năm	203.733.779	(101.866.890)	101.866.889	-	-	-	-
Khác	Trên 2 năm	103.101.456	(72.171.019)	30.930.437	-	-	-	-
Khác	Trên 3 năm	765.970.074	(765.970.074)	-	Trên 3 năm	904.407.000	(904.407.000)	-
		5.534.580.042	(3.330.247.471)	2.204.332.571		5.898.489.517	(2.931.887.813)	2.966.601.704

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(3.330.247.471)

(2.931.887.813)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.219.309.353	-	-	-
Nguyên vật liệu	39.892.214.360	-	37.193.359.543	-
Công cụ và dụng cụ	160.475.461	-	102.088.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.822.737.580	-	15.155.241.236	-
Thành phẩm	42.335.243.853	(1.955.479.395)	55.623.755.524	(7.442.516.221)
Hàng hóa	9.080.406.809	-	33.527.296.987	-
Hàng gửi đi bán	1.262.907.704	-	58.233.665	-
	110.773.295.120	(1.955.479.395)	141.659.975.098	(7.442.516.221)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 5.678 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2015: 37.214 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	69.968.948.714	1.212.787.547	448.377.117.492	4.765.709.180	524.324.562.933
Tăng trong năm	4.564.549.703	156.600.000	700.652.522	698.774.114	6.120.576.339
Tăng do sáp nhập các công ty con	20.623.504.469	-	13.583.109.965	40.909.090	34.247.523.524
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.072.006.968	32.429.500	24.469.428.458	8.497.241.433	45.071.106.359
Thanh lý	-	-	(42.467.898.107)	(312.837.653)	(42.780.735.760)
Xoá sổ	(10.394.878.423)	-	(393.281.444)	-	(10.788.159.867)
Biến động khác (Thuyết minh 22(**))	-	-	(6.300.317.324)	-	(6.300.317.324)
Số dư cuối năm	96.834.131.431	1.401.817.047	437.968.811.562	13.689.796.164	549.894.556.204
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.423.902.621	1.130.513.288	363.360.321.245	3.899.114.770	423.813.851.924
Khấu hao trong năm	1.193.180.022	21.170.832	11.927.829.762	431.036.163	13.573.216.779
Tăng do sáp nhập các công ty con	8.008.460.086	-	8.722.519.139	40.909.102	16.771.888.327
Thanh lý	-	-	(41.602.901.733)	(279.364.716)	(41.882.266.449)
Xoá sổ	(8.075.416.662)	-	(393.281.445)	-	(8.468.698.107)
Biến động khác (Thuyết minh 22(**))	-	-	(2.496.777.638)	-	(2.496.777.638)
Số dư cuối năm	56.550.126.067	1.151.684.120	339.517.709.330	4.091.695.319	401.311.214.836
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.545.046.093	82.274.259	85.016.796.247	866.594.410	100.510.711.009
Số dư cuối năm	40.284.005.364	250.132.927	98.451.102.232	9.598.100.845	148.583.341.368

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 274.651 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 294.946 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 70.462 triệu VND (1/1/2015: 73.603 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.534.544.951
Tăng do sáp nhập các công ty con	1.985.894.062
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.520.439.013
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.571.906.754
Khấu hao trong năm	198.112.308
Tăng do sáp nhập các công ty con	852.421.996
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.622.441.058
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	4.962.638.197
Số dư cuối năm	5.897.997.955
	<hr/> <hr/>

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	89.073.586.897	86.231.360.900
Tăng trong năm	54.720.503.929	15.043.970.198
Tăng do sáp nhập Công ty CP May III	332.928.273	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.071.106.359)	(3.446.609.089)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(694.603.311)	(35.444.000)
Thanh lý	-	(8.645.395.970)
Biến động khác	(1.182.316.774)	(74.295.142)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	97.178.992.655	89.073.586.897

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Xây dựng nhà máy nhuộm và nhà máy động lực	72.719.896.834	50.325.869.201
Xây dựng nhà máy Xử lý nước thải	-	17.929.766.685
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.325.569.336	18.329.264.068
Các công trình khác	6.133.526.485	2.488.686.943
	<hr/>	<hr/>
	97.178.992.655	89.073.586.897

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.296 triệu VND (2014: 181 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	2.260.493.061
Tăng trong năm	3.547.597.844
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	694.603.311
Phân bổ trong năm	(2.027.403.525)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.475.290.691
	<hr/> <hr/>

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	-	38.080.230.171
Các công ty khác	2.505.522.000	5.265.078.092
Bên thứ ba		
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd.	17.311.359.685	-
BTG Pactual Commodities (Singapore) Pte. Ltd.	9.300.043.896	-
Agrocorp International Pte Ltd.	-	11.929.759.239
PNK Enterprise Co., Ltd.	-	9.587.469.960
Các nhà cung cấp khác	43.576.334.844	31.837.602.635
	<hr/>	<hr/>
	72.693.260.425	96.700.140.097
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí lãi vay	479.316.094	510.479.603
Phí giải phóng mặt bằng (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí khác	1.022.259.436	668.930.842
	<hr/>	<hr/>
	4.501.575.530	4.179.410.445
	<hr/>	<hr/>

(*) Phí giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền còn lại phải trả cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Nam Định liên quan đến diện tích đất thuê cho nhà máy mới của Tổng Công ty tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.089.089.898	1.973.531.865
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	54.477.154.476	54.477.154.476
Cổ tức phải trả	883.044.000	1.051.270.500
Các khoản phải trả khác	4.648.120.166	2.054.304.234
	<hr/>	<hr/>
	61.097.408.540	59.556.261.075
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015		
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn	243.851.172.933	243.851.172.933	540.814.591.067	(471.705.154.406)	481.560.725	313.442.170.319	313.442.170.319
Vay dài hạn đến hạn trả (20(b))	30.355.428.000	30.355.428.000	22.163.432.000	(16.355.428.000)	-	36.163.432.000	36.163.432.000
	274.206.600.933	274.206.600.933	562.978.023.067	(488.060.582.406)	481.560.725	349.605.602.319	349.605.602.319

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay ngân hàng 1	VND	6% - 7%	65.738.585.181	16.057.759.316
Vay ngân hàng 2	USD	2% - 2,5%	30.586.069.088	64.358.388.724
Vay ngân hàng 3	VND	9%	27.878.754.352	22.340.612.568
Vay ngân hàng 4	USD	-	-	24.869.679.517
Vay ngân hàng 5	USD	4%	19.500.071.223	6.835.008.168
Vay ngân hàng 6	VND	-	11.909.464.511	-
Vay ngân hàng 7	VND	7%	17.493.257.996	-
Vay ngân hàng 8	VND	7%	11.237.427.956	-
Vay ngân hàng 9	USD	2,5% - 2,9%	19.598.252.208	-
Vay ngân hàng 10	VND	5%	94.999.388.608	94.902.244.095
Vay cá nhân	VND	5,16% - 6%	14.500.899.196	14.487.480.545
			313.442.170.319	243.851.172.933

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 40.364 triệu VND (1/1/2015: 41.980 triệu VND).
 Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu năm	142.465.739.444	172.821.167.444
Tăng trong năm	15.816.170.468	-
Vay dài hạn đến hạn trả được gia hạn (*)	14.000.000.000	-
Tiền vay hoàn trả trong năm	(419.669.503)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	83.973.719	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	171.946.214.128	172.821.167.444
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (20(a))	(36.163.432.000)	(30.355.428.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	135.782.782.128	142.465.739.444

(*) Khoản vay này thể hiện một phần trong số dư đầu kỳ của tài khoản vay dài hạn đến hạn trả nhưng chưa được trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ngân hàng thay đổi lịch trả nợ.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ ngân hàng 1	VND	0%	2016	4.200.000.000	8.400.000.000
Vay từ ngân hàng 2	VND	0%	2016	10.320.000.000	20.640.000.000
Vay từ ngân hàng 3	VND	0%	2016	1.943.432.000	3.778.860.000
Vay từ ngân hàng 4	VND	6%	2023	140.000.000.000	140.000.000.000
Vay từ ngân hàng 5	VND	4,85%	2022	14.186.678.684	-
Vay từ ngân hàng 6	VND	6,50%	2022	1.293.796.000	-
Khoản vay khác	VND		2016	2.307.444	2.307.444
				<hr/>	<hr/>
				171.946.214.128	172.821.167.444

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 30.098 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 31.623 triệu VND) (Thuyết minh 13).

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	136.000.000.000	8.128.976.353	3.160.527.938	21.902.587.424	169.192.091.715
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.245.190.922	9.245.190.922
Phân bổ vào các quỹ	-	2.064.898.688	1.086.788.782	(3.151.687.470)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.858.408.817)	(1.858.408.817)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(16.320.000.000)	(16.320.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	136.000.000.000	10.193.875.041	4.247.316.720	9.817.682.059	160.258.873.820
<i>Đã phân loại lại (Thuyết minh 36(a))</i>	-	4.247.316.720	(4.247.316.720)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 - đã phân loại lại	136.000.000.000	14.441.191.761	-	9.817.682.059	160.258.873.820
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.672.028.862	11.672.028.862
Phân bổ lại các quỹ	-	(4.247.316.720)	-	4.247.316.720	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(834.502.976)	(834.502.976)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(7.480.000.000)	(7.480.000.000)
Biến động khác (*)	-	-	-	(3.803.539.686)	(3.803.539.686)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	136.000.000.000	10.193.875.041	-	13.618.984.979	159.812.860.020

(*) Trong các năm trước, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác khoản phát sinh từ chênh lệch do đánh giá lại giá trị của tài sản cố định chuyển giao cho Công ty CP May III. Trong năm 2015, Công ty đã điều chỉnh giảm khoản lợi nhuận chưa thực hiện khi nhận sáp nhập Công ty CP May III.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

24. Cổ tức

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.480 triệu VND cho các cổ đông (2014: 16.320 triệu VND).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.431	144.391.200	33.567	713.155.559

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	128.032.000.000	280.100.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	485.734.245.099	553.739.474.075
▪ Cung cấp dịch vụ	44.299.663.986	26.497.568.940
▪ Dịch vụ gia công	40.758.326.352	67.080.594.347
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.755.040.689	1.184.775.436
	<hr/>	<hr/>
	572.547.276.126	648.502.412.798
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(92.415.094)	(1.210.680.527)
▪ Hàng bán bị trả lại	(129.834.748)	(25.795.000)
	<hr/>	<hr/>
	(222.249.842)	(1.236.475.527)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	572.325.026.284	647.265.937.271

27. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	464.572.323.216	566.320.176.061
Dịch vụ đã cung ứng	36.645.169.764	19.860.722.813
Dịch vụ gia công	36.271.246.948	31.659.463.669
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.274.953.745	735.380.688
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.955.479.395	3.830.185.947
	<hr/>	<hr/>
	540.719.173.068	622.405.929.178

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	15.265.720.974	19.225.976.514
Cổ tức được chia	4.883.764.000	4.133.284.700
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.729.877.164	1.772.361.258
Lãi từ sáp nhập các công ty con (Thuyết minh 5)	784.433.215	-
Doanh thu khác	497.168.433	-
	<hr/> 23.160.963.786	<hr/> 25.131.622.472

29. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	20.003.727.099	25.665.646.080
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.112.660.472)	1.112.660.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.965.209.899	2.207.699.221
Lỗ từ sáp nhập công ty con (Thuyết minh 5)	4.835.010.232	-
Chi phí tài chính khác	90.184.164	-
	<hr/> 29.781.470.922	<hr/> 28.986.005.773

30. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí vận chuyển	1.495.398.181	3.545.801.539
Chi phí đại lý bán hàng	1.837.030.256	3.840.353.894
Chi phí xuất khẩu	3.415.524.952	2.254.717.749
Chi phí khác	843.029.788	2.276.635.357
	<hr/> 7.590.983.177	<hr/> 11.917.508.539

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương	4.327.626.782	14.361.738.391
Hoàn nhập trích lập lương nhân viên	(2.114.000.000)	-
Trích lập dự phòng nợ xấu	326.188.640	740.103.661
Chi phí phân bổ trả trước	157.583.737	134.565.494
Chi phí khấu hao	205.335.304	170.718.344
Chi phí khác	2.815.628.854	4.617.092.566
	<hr/> 5.718.363.317	<hr/> 20.024.218.456 <hr/>

32. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Tiền lãi từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	1.856.363.490	21.831.106.322
Tiền bồi thường nhận được	28.536.026	191.961.831
Các khoản thu nhập khác	340.242.719	207.928.002
	<hr/> 2.225.142.235	<hr/> 22.230.996.155 <hr/>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	379.890.236.219	467.747.208.941
Chi phí nhân công	64.824.075.698	78.315.954.090
Chi phí khấu hao	13.771.329.087	15.175.410.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.575.848.887	101.732.240.692
Chi phí khác	11.405.857.656	14.897.303.887
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	2.072.527.318	1.731.444.317

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.744.556.180	10.976.635.239
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.023.802.360	2.414.859.753
Chi phí không được khấu trừ thuế	123.153.038	225.907.198
Thu nhập không bị tính thuế	(1.074.428.080)	(909.322.634)
	2.072.527.318	1.731.444.317

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Tiền thu từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	-	30.575.311.415
Bán dịch vụ	155.770.803	134.219.304
Mua hàng hóa	3.324.342.000	100.000.000
Chi phí lãi vay	1.835.981.588	381.798.334
Công ty con		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa	187.485.313	915.111.387
Mua hàng hóa	4.960.381.647	6.519.471.509
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	13.447.164.201	12.486.247.126
Mua hàng hóa	328.660.500	1.754.186.500
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	20.148.331.987	20.840.389.084
Mua hàng hóa	126.472.852	1.971.821.773
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	111.422.341.552	89.617.443.373
Mua hàng hóa	40.982.741.057	63.449.168.754
Thu nhập lãi vay	-	7.551.053.583
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Bán hàng hóa	36.201.660.836	37.354.113.835
Mua hàng hóa	39.482.438.726	41.278.697.486
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Mua hàng hóa	60.665.368	2.826.914.800
Thu nhập lãi vay	119.793.136	618.417.190
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Bán hàng hóa	3.453.760.500	11.292.149.690
Mua hàng hóa	3.527.340.615	33.618.174.460
Chi phí lãi vay	410.247.797	4.915.683.583
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Góp vốn	-	8.000.000.000
Bán hàng hóa	287.986.258	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	14.255.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	21.717.492.227	35.531.606.181
Tài sản ngắn hạn khác	-	440.886.046
Phải trả người bán ngắn hạn	96.700.140.097	96.819.563.919
Phải trả dài hạn khác	119.423.822	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	8.376.634.435	-
Phải trả ngắn hạn khác	59.556.261.075	67.932.895.510
Quỹ đầu tư phát triển	14.441.191.761	10.193.875.041
Quỹ dự phòng tài chính	-	4.247.316.720

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014 (đã trình bày lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Thu nhập khác	22.230.996.155	31.176.064.885
Chi phí khác	318.258.713	9.263.327.443

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc